



## QUY ĐỊNH THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ CẤP 4

Km áp dụng: 80.000 km

| TT | Hệ thống           | Hạng mục thực hiện                                                    | Phụ tùng            | Mã phụ tùng                                                | Số lượng | Vật tư       | Thông số kỹ thuật                                                                                                        | Số lượng                                         |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------|----------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1  | <b>Động cơ</b>     | Thay nhớt động cơ                                                     |                     |                                                            |          | Nhớt động cơ | Động cơ Cummins: SAE 15W-40, API: CI-4<br>Động cơ G51: SAE 10W-40, API: CK-4                                             | Động cơ Cummins: 6,5 lít<br>Động cơ G51: 5,5 lít |
| 2  | <b>Động cơ</b>     | Thay lọc nhớt động cơ                                                 | Lọc nhớt động cơ    | Động cơ Cummins: .GP01.13.0154<br>Động cơ G51: .PSH0008997 | 1 cái    |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 3  | <b>Động cơ</b>     | Thay lọc nhiên liệu                                                   | Lọc nhiên liệu      | Động cơ Cummins: .GP01.13.0152<br>Động cơ G51: .PSH0009180 | 1 cái    |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 4  | <b>Động cơ</b>     | Thay thế lõi lọc gió                                                  | Lõi lọc gió động cơ | .GB-529                                                    | 1 cái    |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 5  | <b>Động cơ</b>     | Thay thế nước làm mát                                                 |                     |                                                            |          | Nước làm mát | Động cơ Cummins: CF1401/ theo tiêu chuẩn<br>ASTM D 4985<br>Động cơ G51: CF1401,LEC-II-40/ theo tiêu<br>chuẩn ASTM D 4985 | Động cơ Cummins: 14 lít<br>Động cơ G51: 13 lít   |
| 6  | <b>Động cơ</b>     | Kiểm tra rò rỉ trong hệ thống làm mát, bôi trơn, khí thải, nhiên liệu |                     |                                                            |          |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 7  | <b>Động cơ</b>     | Kiểm tra ống thông hơi các te (ống không bị tắc)                      |                     |                                                            |          |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 8  | <b>Động cơ</b>     | Kiểm tra cụm dây đai và bộ tăng đai tự động                           |                     |                                                            |          |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 9  | <b>Động cơ</b>     | Thay dây curoa                                                        | Dây curoa           |                                                            | 1 cái    |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 10 | <b>Động cơ</b>     | Chẩn đoán hệ thống điều khiển động cơ điện tử                         |                     |                                                            |          |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 11 | <b>Động cơ</b>     | Vệ sinh họng nạp và cảm biến lưu lượng khí nạp                        |                     |                                                            |          |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 12 | <b>Động cơ</b>     | Siết chặt liên kết giữa bộ lọc muội than với ống dẫn turbo            |                     |                                                            |          |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 13 | <b>Động cơ</b>     | Siết chặt pát bắt bộ lọc muội than với vỏ ly hợp                      |                     |                                                            |          |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 14 | <b>Động cơ</b>     | Siết chặt liên kết giữa lọc gió và đường khí nạp                      |                     |                                                            |          |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 15 | <b>Động cơ</b>     | Siết chặt liên kết giữa bộ đo dòng khí nạp vào vỏ lọc gió             |                     |                                                            |          |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 16 | <b>Động cơ</b>     | Điều chỉnh khoảng cách cò mổ, xu páp                                  |                     |                                                            |          |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 17 | <b>Truyền động</b> | Kiểm tra bộ trợ lực ly hợp, hộp số, cầu sau                           |                     |                                                            |          |              |                                                                                                                          |                                                  |
| 18 | <b>Truyền động</b> | Siết chặt vỏ ly hợp, vỏ hộp số, trục láp                              |                     |                                                            |          |              |                                                                                                                          |                                                  |



## QUY ĐỊNH THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ CẤP 4

Km áp dụng: 80.000 km

| TT | Hệ thống       | Hạng mục thực hiện                                          | Phụ tùng | Mã phụ tùng | Số lượng | Vật tư          | Thông số kỹ thuật    | Số lượng |
|----|----------------|-------------------------------------------------------------|----------|-------------|----------|-----------------|----------------------|----------|
| 19 | Truyền động    | Vệ sinh lỗ thông hơi hộp số, cầu sau                        |          |             |          |                 |                      |          |
| 20 | Truyền động    | Thay nhớt cầu                                               |          |             |          | Nhớt cầu        | SAE 85W-90, API GL-5 | 3 lít    |
| 21 | Truyền động    | Thay nhớt hộp số                                            |          |             |          | Nhớt hộp số     | SAE 85W-90, API GL-5 | 1,86 lít |
| 22 | Truyền động    | Vệ sinh ốc xả từ tính                                       |          |             |          |                 |                      |          |
| 23 | Gầm xe         | Siết chặt khớp cầu                                          |          |             |          |                 |                      |          |
| 24 | Gầm xe         | Siết chặt khớp rô tuyn                                      |          |             |          |                 |                      |          |
| 25 | Gầm xe         | Siết chặt bu lông cao su và khớp kim loại của nhíp          |          |             |          |                 |                      |          |
| 26 | Gầm xe         | Kiểm tra siết chặt phuộc nhún, bu lông chữ U                |          |             |          |                 |                      |          |
| 27 | Gầm xe         | Kiểm tra bạc đạn bánh sau, moay ơ, hiệu chỉnh nếu cần thiết |          |             |          |                 |                      |          |
| 28 | Hệ thống lái   | Kiểm tra vỏ bảo vệ khớp nối tay lái                         |          |             |          |                 |                      |          |
| 29 | Hệ thống lái   | Kiểm tra hoạt động của vô lăng                              |          |             |          |                 |                      |          |
| 30 | Hệ thống lái   | Siết chặt khớp nối cầu của trục lái                         |          |             |          |                 |                      |          |
| 31 | Hệ thống lái   | Kiểm tra độ rơ các khớp trục lái                            |          |             |          |                 |                      |          |
| 32 | Hệ thống lái   | Siết bu lông giữ phía trên bót tay lái với khung chasis     |          |             |          |                 |                      |          |
| 33 | Hệ thống lái   | Thay dầu trợ lực lái                                        |          |             |          | Dầu trợ lực lái | ATF DX III, 1888     | 1.2 lít  |
| 34 | Hệ thống phanh | Thay dầu phanh                                              |          |             |          | Dầu phanh       | ROSDOT hoặc DOT4     | 1 lít    |
| 35 | Hệ thống phanh | Kiểm tra độ kín của bầu phanh                               |          |             |          |                 |                      |          |
| 36 | Hệ thống phanh | Kiểm tra trạng thái và độ kín của dẫn động thủy lực phanh   |          |             |          |                 |                      |          |



## QUY ĐỊNH THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ CẤP 4

Km áp dụng: 80.000 km

| TT | Hệ thống                | Hạng mục thực hiện                                                                                                                                                                                   | Phụ tùng      | Mã phụ tùng    | Số lượng | Vật tư | Thông số kỹ thuật | Số lượng |
|----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|----------|--------|-------------------|----------|
| 37 | Hệ thống phanh          | Kiểm tra tình trạng má phanh và đĩa thắng của cơ cấu phanh trước                                                                                                                                     |               |                |          |        |                   |          |
| 38 | Hệ thống phanh          | Kiểm tra tình trạng má phanh và đĩa phanh sau (đối với xe có phanh đĩa)                                                                                                                              |               |                |          |        |                   |          |
| 39 | Hệ thống phanh          | Kiểm tra tình trạng của má phanh cơ cấu phanh đỗ (đối với xe có phanh đĩa)                                                                                                                           |               |                |          |        |                   |          |
| 40 | Hệ thống phanh          | Kiểm tra tình trạng của vỏ bảo vệ xi lanh và giá đỡ bánh xe                                                                                                                                          |               |                |          |        |                   |          |
| 41 | Hệ thống phanh          | Kiểm tra tình trạng dây thắng phanh đỗ và vỏ bọc                                                                                                                                                     |               |                |          |        |                   |          |
| 42 | Hệ thống phanh          | Siết chặt pitton trợ lực chân không                                                                                                                                                                  |               |                |          |        |                   |          |
| 43 | Hệ thống phanh          | Siết chặt xi lanh bánh xe, van điều khiển áp suất và thắng sau                                                                                                                                       |               |                |          |        |                   |          |
| 44 | Hệ thống phanh          | Kiểm tra hành trình đòn bẩy đỗ xe                                                                                                                                                                    |               |                |          |        |                   |          |
| 45 | Hệ thống phanh          | Điều chỉnh liên kết phanh đỗ                                                                                                                                                                         |               |                |          |        |                   |          |
| 46 | Thiết bị điện           | Kiểm tra điện áp, dung dịch mức bình điện (Làm sạch và bôi trơn các cực của pin và dây, kiểm tra độ bền của pin, độ tin cậy của kết nối giữa các dây với các cực của pin, kiểm tra mức độ điện phân) |               |                |          |        |                   |          |
| 47 | Thiết bị điện           | Điều chỉnh đèn pha                                                                                                                                                                                   |               |                |          |        |                   |          |
| 48 | Thiết bị điện           | Điều chỉnh đèn sương mù                                                                                                                                                                              |               |                |          |        |                   |          |
| 49 | Cabin – Thùng – Thân xe | Kiểm tra độ siết chặt thùng xe với khung xe                                                                                                                                                          |               |                |          |        |                   |          |
| 50 | Cabin – Thùng – Thân xe | Kiểm tra điều kiện và kết nối của các thiết bị giữ cửa của giữa (trượt), điều chỉnh hoặc, nếu cần, thay thế các bộ phận (chốt dẫn hướng hoặc vỏ), ở trạng thái giới hạn                              |               |                |          |        |                   |          |
| 51 | Cabin – Thùng – Thân xe | Thay lọc gió cabin                                                                                                                                                                                   | Lọc gió cabin | A21R23.8119200 | 1 cái    |        |                   |          |
| 52 | Body - box              | Siết chặt đai ốc bắt thân xe                                                                                                                                                                         |               |                |          |        |                   |          |
| 53 | Body - box              | Kiểm tra các đai ốc bị thiếu giữ chặt mặt bên và mặt trước vào khung xe                                                                                                                              |               |                |          |        |                   |          |
| 54 | Hệ thống điều hòa       | Kiểm tra tình trạng ống ga                                                                                                                                                                           |               |                |          |        |                   |          |



## QUY ĐỊNH THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ CẤP 4

Km áp dụng: 80.000 km

| TT | Hệ thống          | Hạng mục thực hiện                              | Phụ tùng              | Mã phụ tùng  | Số lượng | Vật tư | Thông số kỹ thuật | Số lượng |
|----|-------------------|-------------------------------------------------|-----------------------|--------------|----------|--------|-------------------|----------|
| 55 | Hệ thống điều hòa | Kiểm tra tình trạng ga                          |                       |              |          |        |                   |          |
| 56 | Hệ thống điều hòa | Thay thế lọc ga điều hòa sau                    | Phin lọc gas dưới gầm | 160203000010 | 1 cái    |        |                   |          |
| 57 | Hệ thống điều hòa | Kiểm tra mức độ hoạt động của hệ thống điều hòa |                       |              |          |        |                   |          |
| 58 | Hệ thống điều hòa | Siết chặt ống ga                                |                       |              |          |        |                   |          |
| 59 | Hệ thống điều hòa | Siết chặt giàn nóng                             |                       |              |          |        |                   |          |
| 60 | Hệ thống điều hòa | Vệ sinh giàn nóng                               |                       |              |          |        |                   |          |